

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện và giải ngân vốn ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh báo cáo kết quả thực hiện và giải ngân vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) năm 2023 đến ngày 10/11/2023, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Về tổ chức bộ máy thực hiện

Đối với cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025; đồng thời, Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành Quyết định số 59/QĐ-BCĐ ngày 26/7/2022 về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025; đối với cấp huyện, đến cuối năm 2022, đã có 09/09 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp huyện và ban hành quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo và cấp xã đã thành lập Ban quản lý dự án và Ban phát triển ấp, khóm.

2. Về văn bản hướng dẫn thực hiện

- Triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của Trung ương: Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn của Trung ương; các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện các Chương trình.

- Ban hành văn bản hướng dẫn theo thẩm quyền: Trên cơ sở văn bản quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương; Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành các Chương trình MTQG đảm bảo tính đồng bộ trong triển khai thực hiện.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG

Tổng kế hoạch vốn ngân sách Trung ương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trong năm 2023 là 615,825 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn kế hoạch năm 2023 là 468,596 tỷ đồng, gồm:

- + Vốn đầu tư 229,245 tỷ đồng;
- + Vốn sự nghiệp 239,351 tỷ đồng.
- Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là 147,229 tỷ đồng, gồm:
 - + Vốn đầu tư 61,718 tỷ đồng;
 - + Vốn sự nghiệp 85,511 tỷ đồng.

Kết quả giải ngân đến ngày 10/11/2023 là 176,847/615,825 tỷ đồng, đạt 28,7% kế hoạch; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 428,264/615,825 tỷ đồng, đạt 69,5% kế hoạch, chi tiết theo từng chương trình như sau:

1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Giải ngân đến ngày 10/11/2023 là 47,070/129,443 tỷ đồng, đạt 36,4% kế hoạch; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 123,722/129,443 tỷ đồng, đạt 95,6% kế hoạch, trong đó:

- Vốn kế hoạch năm 2023 giải ngân đến ngày 10/11/2023 là 42,274/110,283 tỷ đồng, đạt 38,3% kế hoạch; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 107,872/110,283 tỷ đồng, đạt 97,8% kế hoạch, gồm:

- + Vốn đầu tư giải ngân 37,741/84,370 tỷ đồng, đạt 44,7%; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 84,370/84,370 tỷ đồng, đạt 100%;

- + Vốn sự nghiệp giải ngân 4,533/25,913 tỷ đồng, đạt 17,5%; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 23,502/25,913 tỷ đồng, đạt 90,7%.

- Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 giải ngân đến ngày 10/11/2023 là 4,796/19,16 tỷ đồng, đạt 25% kế hoạch; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 15,850/19,16 tỷ đồng, đạt 82,7% kế hoạch, gồm:

- + Vốn đầu tư giải ngân 3,433/4,538 tỷ đồng, đạt 75,6%; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 4,538/4,538 tỷ đồng, đạt 100%;

- + Vốn sự nghiệp giải ngân 1,363/14,622 tỷ đồng, đạt 9,3%; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 11,306/14,622 tỷ đồng, đạt 77,3%.

2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Giải ngân đến ngày 10/11/2023 là 10,835/79,180 tỷ đồng, đạt 13,7% kế hoạch; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 56,228/79,180 tỷ đồng, đạt 71% kế hoạch, trong đó:

- Vốn kế hoạch năm 2023 giải ngân đến ngày 10/11/2023 là 8,986/56,434 tỷ đồng, đạt 15,92% kế hoạch; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 39,208/56,434 tỷ đồng, đạt 69,5% kế hoạch, gồm:

- + Vốn đầu tư giải ngân 0/2,970 tỷ đồng, hiện chưa giải ngân; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 2,970/2,970 tỷ đồng, đạt 100%.

- + Vốn sự nghiệp giải ngân 8,986/53,464 tỷ đồng đạt 16,8%; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 36,238/53,464 tỷ đồng đạt 67,8%.

- Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 giải ngân đến ngày 10/11/2023 là 1,849/22,746 tỷ đồng, đạt 8,1% kế hoạch; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 17,020/22,746 tỷ đồng, đạt 74,8% kế hoạch, gồm:

+ Vốn đầu tư giải ngân 0/0,845 tỷ đồng, hiện chưa giải ngân; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 0,845/0,845 tỷ đồng, đạt 100%.

+ Vốn sự nghiệp giải ngân 1,849/21,901 tỷ đồng, đạt 8,4%; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 16,175/21,901 tỷ đồng, đạt 73,9%.

3. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi: Giải ngân đến ngày 10/11/2023 là 118,942/407,202 tỷ đồng, đạt 29,2% kế hoạch; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 248,314/407,202 tỷ đồng, đạt 61% kế hoạch, trong đó:

- Vốn kế hoạch năm 2023 giải ngân đến ngày 10/11/2023 là 85,321/301,879 tỷ đồng, đạt 28,3% kế hoạch; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 178,910/301,879 tỷ đồng, đạt 59,3% kế hoạch, gồm:

+ Vốn đầu tư giải ngân 77,237/141,905 tỷ đồng, đạt 54,4%; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 132,072/141,905 tỷ đồng, đạt 93,1%.

+ Vốn sự nghiệp giải ngân 8,084/159,974 tỷ đồng, đạt 5,1%; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 46,838/159,974 tỷ đồng, đạt 29,3%.

- Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 giải ngân đến ngày 10/11/2023 là 33,621/105,323 tỷ đồng, đạt 31,9% kế hoạch; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 69,404/105,323 tỷ đồng, đạt 65,9% kế hoạch, gồm:

+ Vốn đầu tư giải ngân 25,967/56,335 tỷ đồng, đạt 46,1%; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 49,140/56,335 tỷ đồng, đạt 87,2%.

+ Vốn sự nghiệp giải ngân 7,654/48,988 tỷ đồng, đạt 15,6%; ước giải ngân đến hết năm 2023 là 20,264/48,988 tỷ đồng, đạt 41,4%.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi

- Đối với chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS 3% hằng năm: Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ cuối năm 2021, tổng số hộ nghèo của 59 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Trà Vinh là 8.644 hộ nghèo, chiếm 5,14% so với tổng số hộ dân cư vùng dân tộc thiểu số, trong đó, có 2.063 hộ nghèo không có khả năng lao động¹; sau khi trừ số hộ nghèo không có khả năng lao động, số hộ nghèo còn lại của 59 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số là 6.581 hộ, chiếm 3,91% so với tổng số dân cư vùng dân tộc thiểu số. Do đó, theo mục tiêu được giao tại Quyết định số 652/QĐ-TTg là giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 3%, tỉnh Trà Vinh thực hiện không đạt trong năm 2022 (chỉ giảm được 1,31%) và khả năng thực hiện không đạt mục tiêu này trong những năm tiếp theo của giai đoạn 2022-2025.

- Dự kiến đến hết năm 2023, số vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền

¹ Nhóm hộ này khó thoát nghèo vì trong hộ gồm các thành viên ngoài độ tuổi lao động hoặc có thành viên trong độ tuổi lao động nhưng không còn khả năng lao động.

núi không thể giải ngân hết là **158,88 tỷ đồng** (Vốn đầu tư là 17,028 tỷ đồng; vốn sự nghiệp là 141,860 tỷ đồng), trong đó:

+ Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là 35,919 tỷ đồng (vốn đầu tư 7,195 tỷ đồng; vốn sự nghiệp 28,724 tỷ đồng).

+ Vốn kế hoạch năm 2023 là 122,969 tỷ đồng (vốn đầu tư 9,833 tỷ đồng; vốn sự nghiệp 113,136 tỷ đồng).

* **Dự án 1:** Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: Kế hoạch vốn năm 2023 là 112,691 tỷ đồng (vốn năm 2022 chuyển sang là 39,422 tỷ đồng; vốn kế hoạch năm 2023 là 73,269 tỷ đồng).

Số vốn dự kiến không giải ngân là **64,901 tỷ đồng** (vốn đầu tư 13,496 tỷ đồng; vốn sự nghiệp 51,405 tỷ đồng). **Nguyên nhân:** Do tại thời điểm khảo sát thực hiện chương trình từ năm 2019; tuy nhiên, đến nay trên địa bàn tỉnh không còn xã đặc biệt khó khăn, địa bàn thực hiện bị thu hẹp, đối tượng hưởng lợi giảm do thoát nghèo (đối tượng trong danh sách nên đã thoát nghèo).

* **Dự án 3:** Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: Kế hoạch vốn năm 2023 là 40,608 tỷ đồng (vốn năm 2022 chuyển sang là 13,244 tỷ đồng; vốn kế hoạch năm 2023 là 27,364 tỷ đồng).

Số vốn dự kiến không giải ngân là **4,311 tỷ đồng** (vốn sự nghiệp 4,311 tỷ đồng). **Nguyên nhân:** Dự án vùng trồng được liệu quý chưa được phê duyệt do Bộ Y tế mới có văn bản thống nhất cho triển khai thực hiện.

* **Dự án 5:** Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Kế hoạch vốn năm 2023 là 129,619 tỷ đồng (vốn năm 2022 chuyển sang là 38,493 tỷ đồng; vốn kế hoạch năm 2023 là 91,126 tỷ đồng).

Số vốn dự kiến không giải ngân là **71,187 tỷ đồng** (vốn sự nghiệp 71,187 tỷ đồng), nguyên nhân:

- **Tiểu dự án 2:** Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS: Do thời điểm hiện tại thì các trường Đại học chưa thống kê được số lượng thí sinh xác nhận nhập học hệ dự bị đại học; số lượng cử tham gia bồi dưỡng kiến thức dân tộc và đào tạo sau đại học năm 2023 rất ít.

- **Tiểu dự án 3:** Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS: Do nhu cầu học nghề rất ít, người lao động trong độ tuổi lao động đã đi làm xa và Trung tâm Giáo dục dạy nghề không nằm trên địa bàn xã vùng dân tộc nên không hỗ trợ được.

* **Dự án 7:** Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: Kế hoạch vốn năm 2023 là 3,888 tỷ đồng (vốn năm 2022 chuyển sang là 0,568 tỷ đồng; vốn kế hoạch năm 2023 là 3,320 tỷ đồng).

Số vốn dự kiến không giải ngân là **2,973** tỷ đồng (*vốn sự nghiệp 2,973 tỷ đồng*). **Nguyên nhân:** Không có TTYT huyện, Bệnh viện huyện thuộc vùng đồng bào DTTS&MN. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đã có 85/85 xã đạt chuẩn nông thôn mới, không có huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và 15 xã khu III theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ không còn hưởng các chính sách áp dụng đối với xã khu vực III, khu vực II kể từ ngày quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực.

* **Dự án 8:** Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: Kế hoạch vốn năm 2023 là 6,046 tỷ đồng (*vốn năm 2022 chuyển sang là 1,226 tỷ đồng; vốn kế hoạch năm 2023 là 4,820 tỷ đồng*).

Số vốn dự kiến không giải ngân là **4,418** tỷ đồng (*vốn sự nghiệp 4,418 tỷ đồng*). **Nguyên nhân:** Theo quy định thì địa bàn thực hiện dự án là các xã, ấp đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào DTTS; tuy nhiên, hiện nay địa bàn thực hiện đã bị thu hẹp, do các xã đã hoàn thành xã nông thôn mới và hiện nay Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã có văn bản gửi Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam hướng dẫn xin ý kiến mở rộng đối tượng thực hiện.

* **Dự án 10:** Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: Kế hoạch vốn năm 2023 là 12,887 tỷ đồng (*vốn năm 2022 chuyển sang là 3,040 tỷ đồng; vốn kế hoạch năm 2023 là 9,847 tỷ đồng*).

Số vốn dự kiến không giải ngân là **6,544** tỷ đồng (*vốn đầu tư 3,514 tỷ đồng; vốn sự nghiệp 3,030 tỷ đồng*). **Nguyên nhân:** Bộ Thông tin và Truyền thông chậm ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện. Đồng thời, theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 thì tỉnh Trà Vinh có tổng 58 ấp đặc biệt khó khăn của 22 xã (*10 ấp thuộc 08 xã khu vực I; 48 ấp thuộc 14 xã khu vực III*). Tuy nhiên, qua rà soát thì đến nay trên địa bàn tỉnh Trà Vinh 100% xã được công nhận xã nông thôn mới (*không còn xã khu vực III*) và hiện tại chỉ 01 xã² có ấp đặc biệt khó khăn³. Ngày 15/9/2023, Sở Thông tin và Truyền thông có Công văn số 2003/STTTT-VP xin ý kiến Bộ Thông tin và Truyền thông, đến nay Bộ chưa có văn bản trả lời.

2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

Dự kiến đến hết năm 2023, số vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững không thể giải ngân hết là **22,878** tỷ đồng (*vốn sự nghiệp*), trong đó:

- **Vốn kế hoạch năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là 5,652 tỷ đồng** (*vốn sự nghiệp*);

² Xã Kim Sơn, huyện Trà Cú

³ Ấp Trà Cú C, xã Kim Sơn

- Vốn kế hoạch năm 2023 là 17,226 tỷ đồng (*vốn sự nghiệp*).

* **Dự án 3:** Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng: Kế hoạch vốn năm 2023 là 13,951 tỷ đồng (*vốn năm 2022 chuyển sang là 3,185 tỷ đồng; vốn kế hoạch năm 2023 là 10,766 tỷ đồng*).

Số vốn dự kiến không giải ngân là 4,448 tỷ đồng (*vốn sự nghiệp*). **Nguyên nhân:** Do Sở Y tế (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật) đã triển khai thực hiện các nội dung (*Mua sản phẩm dinh dưỡng cấp miễn phí cho trẻ em bị suy dinh; Mua thuốc tẩy giun cho trẻ và mở các lớp tập huấn điều tra theo dõi trẻ em 0-16 tuổi tại 106 xã, phường, thị trấn*) nên các huyện, thị xã, thành phố chưa triển khai thực hiện sự trùng lặp nội dung hoạt động, trùng đối tượng với Sở Y tế. Các Phòng Y tế huyện, thị xã, thành phố chỉ tổ chức mua các trang thiết bị cân, thước đo trẻ sinh dưỡng, các thiết bị này có giá thấp nên chỉ giải ngân được số tiền rất ít.

* **Dự án 4.** Phát triển giáo dục nghề nghiệp và việc làm bền vững: Kế hoạch vốn năm 2023 là 24,994 tỷ đồng (*vốn năm 2022 chuyển sang là 7,763 tỷ đồng; vốn kế hoạch năm 2023 là 17,231 tỷ đồng*).

Số vốn dự kiến không giải ngân là 14,113 tỷ đồng (*vốn sự nghiệp*). **Nguyên nhân:** Do tỉnh Trà Vinh không có huyện nghèo và xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo nên tỉnh Trà Vinh chỉ triển khai một hoạt động duy nhất là “Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp” theo quy định tại khoản 4 Tiểu dự án 1 - Dự án 4 phân III Quyết định 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, tại Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể như thế nào là người có thu nhập thấp để hỗ trợ chính sách. Đồng thời, đối tượng thụ hưởng trong độ tuổi lao động là người dân tộc, người kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo vùng dân tộc hầu hết đi làm ăn xa, khỏi địa phương hoặc ở tại địa phương thì lại là lao động chính trong hộ gia đình nên khó có thể vận động tham gia học nghề; mặt khác lao động có thu nhập thấp không thuộc đối tượng thụ hưởng dự án nhưng đối tượng này lại có nhu cầu học nghề; người dân tộc ngoài vùng DTTTS (xã lân cận) thì không được hỗ trợ học nghề. Vấn đề trùng địa bàn, trùng đối tượng thụ hưởng đối với các dự án, tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 Chương trình MTQG, như có xã vừa là nông thôn mới, vừa là vùng dân tộc thiểu số, thậm chí là xã nghèo sẽ gây chồng chéo khó triển khai. Đồng thời, hiện nay hầu hết các xã đã và đang hoàn thành chương trình xây dựng xã nông thôn mới nên dự báo trong thời gian sắp tới các đối tượng thụ hưởng này có xu hướng giảm ít hơn.

* **Dự án 7:** Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá chương trình: Kế hoạch vốn năm 2023 là 7,763 tỷ đồng (*vốn năm 2022 chuyển sang là 2,740 tỷ đồng; vốn kế hoạch năm 2023 là 5,023 tỷ đồng*).

Số vốn dự kiến không giải ngân là 2,641 tỷ đồng (*vốn sự nghiệp*). **Nguyên nhân:** Các nội dung chi ít, địa bàn hẹp.

3. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Một số xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, sau khi rà soát, đánh giá theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025, nhiều nội dung tiêu chí của xã, huyện không đáp ứng yêu cầu.

- Dự kiến đến hết năm 2023, số vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới không thể giải ngân hết là 5,727 tỷ đồng (*vốn sự nghiệp*). *Nguyên nhân*: Một số hoạt động sự nghiệp sử dụng không hết theo kế hoạch.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

- Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân nguồn vốn năm 2023 không khả năng giải ngân hết vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia sang năm 2024 để tiếp tục thực hiện.

- Xem xét điều chỉnh chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giai đoạn 2021-2025 vùng đồng bào DTTS&MN từ 3% xuống còn lại 1%/năm tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ. *Nguyên nhân*: Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ cuối năm 2021, tổng số hộ nghèo của 59 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Trà Vinh là 8.644 hộ nghèo, chiếm 5,14% so với tổng số hộ dân cư vùng dân tộc thiểu số, trong đó có 2.063 hộ nghèo không có khả năng lao động; sau khi trừ số hộ nghèo không có khả năng lao động, số hộ nghèo còn lại của 59 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số là 6.581 hộ, chiếm 3,91% so với tổng số dân cư vùng dân tộc thiểu số. Do đó, theo mục tiêu được giao tại Quyết định số 652/QĐ-TTg là giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 3%, tỉnh Trà Vinh thực hiện không đạt trong năm 2022 (chỉ giảm được 1,31%) và khả năng thực hiện không đạt mục tiêu này trong những năm tiếp theo của giai đoạn 2022-2025.

2. Các Bộ, ngành, cơ quan liên quan ở Trung ương:

- Ủy ban Dân tộc xem xét, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh mở rộng đối tượng hưởng lợi là hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo nhưng còn khó khăn mà chưa được hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng đời sống người dân và giúp cho địa phương sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

- Ủy ban Dân tộc xem xét, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho triển khai Dự án 7, 8, 10 trên địa bàn 59 xã vùng đồng bào DTTS theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay tỉnh Trà Vinh không còn xã, ấp ĐBKK (*các huyện đã hoàn thành nông thôn mới và thôi hưởng chính sách*).

- Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xem xét đề xuất Chính phủ cho chủ trương tinh điều chuyển 158 tỷ đồng (*vốn đầu tư là 17 tỷ đồng; vốn sự nghiệp là 141 tỷ đồng*) của các dự án (*dự án 01, 03, 05, 07, 08 và 10*) thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN dự kiến còn lại không giải ngân hết vốn trong năm 2023 (*do địa*

bàn thực hiện bị thu hẹp, đối tượng hưởng lợi giảm do đã thoát nghèo,...) sang đầu tư Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN.

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh báo cáo kết quả thực hiện và giải ngân vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 đến Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc năm, tổng hợp./. *Ule*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính, LĐT&XH, NN&PTNN;
- Ủy ban Dân tộc;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, NN&PTNT, LĐT&XH;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Các Phòng: KGVX, TH-NV, KT, NN;
- Lưu: VT, Phòng CNXD. *o2*



Lê Văn Hân